

**CÔNG TY MẸ TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM- CÔNG TY TNHH MTV**

Địa chỉ: Số 211-213-213A Trần Huy Liệu, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84)028 62943954 Fax: (84) 028 54495513

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CỦA - TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM- CÔNG TY TNHH MTV**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020*

*kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

---

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 974 5081/82

Fax: (024) 3 974 5083

*Hà Nội, tháng 03 năm 2021*

# CÔNG TY MẸ TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM- CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 211-213-213A Trần Huy Liệu, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84)028 62943954 Fax: (84) 028 54495513

---

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2020	11 - 52

## CÔNG TY MẸ TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM- CÔNG TY TNHH MTV

Địa chỉ: Số 211-213-213A Trần Huy Liệu, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc  
Điện thoại: (84)028 62943954 Fax: (84) 028 54495513 *đính kèm Báo cáo tài chính tổng hợp*

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cà phê Việt Nam - Công ty TNHH MTV (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Văn phòng - Tổng Công ty Cà phê Việt Nam - Công ty TNHH MTV cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

#### KHÁI QUÁT CHUNG

Tổng Công ty Cà phê Việt Nam - Công ty TNHH MTV (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập theo Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 25/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Quyết định số 284/QĐ-BNN-QLDN ngày 25/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc "Ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cà phê Việt Nam"; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101509) do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/11/2010, luật doanh nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi doanh nghiệp thành lập đến nay, Tổng Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất là ngày 10/01/2020. Theo đó;

Vốn điều lệ của Tổng Công ty: 1.150.000.000.000 đồng

*(Bằng chữ: Một nghìn một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn)*

Trụ sở chính: Số 211-213-213A Trần Huy Liệu, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh.

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Tổng Công ty tại ngày lập Báo cáo bao gồm:**

##### A Hội đồng thành viên:

1 Ông Phan Xuân Thắng	Chủ tịch HĐQT
2 Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
3 Ông Lê Trọng Hiền	Thành viên
4 Ông Lê Hồng Sơn	Thành viên

##### B Ban Tổng Giám đốc:

1 Ông Nguyễn Văn Minh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/04/2017)
2 Ông Hồ Phúc Long	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/10/2018)
3 Ông Nguyễn Cảnh Minh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/04/2019)
4 Ông Đặng Hồng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/04/2019)
5 Ông Nguyễn Hoàng Vinh	Phó Trưởng ban phụ trách TCKT

##### C Ban Kiểm soát

1 Ông Hoàng Anh Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/07/2019)
2 Ông Phan Huy Bình	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/07/2019)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện

Tổng Công ty Cà phê Việt Nam - Công ty TNHH MTV



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Minh

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021



Số: 46 /2021/BCKT/CPA HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM- CÔNG TY TNHH MTV**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Cà phê Việt Nam - Công ty TNHH MTV được lập ngày 26/03/2021, từ trang 06 đến trang 52 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tổng Công ty chưa trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng nêu tại "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ" Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cà phê Việt Nam - Công ty TNHH MTV tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101509 (đăng ký lần đầu ngày 16/11/2010) thay đổi lần thứ 04 ngày 01/01/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ là: 1.150.000.000.000 đồng (Một ngàn một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn), tuy nhiên đến ngày 31/12/2020 số vốn góp thực tế là: 900.319.856.278 đồng, số vốn góp thiếu tại thời điểm 31/12/2020 là: 249.680.143.722 đồng.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Cà phê Việt Nam - Công ty TNHH MTV cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Miền Trung. Báo cáo kiểm toán lập ngày 11/05/2020 đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI



**Phó Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Thị Hải**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
Số: 3398-2020-016-1

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Thị Lệ Hồng Thu**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
Số: 2659-2018-016-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>887.667.434.837</b>	<b>949.460.025.578</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>24.199.089.169</b>	<b>53.865.634.513</b>
1. Tiền	111	V.01	23.199.089.169	42.865.634.513
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	11.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>270.000.000.000</b>	<b>270.700.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		270.000.000.000	270.700.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>320.960.112.179</b>	<b>434.079.697.655</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	95.408.471.909	132.607.259.700
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	179.499.759.727	177.077.932.570
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V10.1	7.165.259.136	8.636.786.294
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V05	274.882.245.976	353.562.062.381
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	V.06	(245.963.667.127)	(247.772.385.848)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.07	9.968.042.558	9.968.042.558
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.08</b>	<b>266.394.763.836</b>	<b>185.459.576.987</b>
1. Hàng tồn kho	141		266.789.107.890	197.240.775.849
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(394.344.054)	(11.781.198.862)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.113.469.653</b>	<b>5.355.116.423</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.19a	2.455.543.273	48.617.057
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.09	891.352.524	2.490.759.299
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.09	2.766.573.856	2.815.740.067
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>928.963.172.343</b>	<b>953.161.546.951</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>29.670.549.597</b>	<b>40.733.138.322</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.10.2	32.676.359.279	63.345.007.402
2. Phải thu dài hạn khác	216		35.000.000	35.440.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(3.040.809.682)	(22.647.309.080)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>373.318.427.806</b>	<b>378.259.998.287</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	360.676.062.919	365.156.683.656
- Nguyên giá	222		757.541.455.470	760.932.206.815
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(396.865.392.551)	(395.775.523.159)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	12.642.364.887	13.103.314.631
- Nguyên giá	228		16.452.941.570	16.452.941.570
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.810.576.683)	(3.349.626.939)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.13</b>	<b>1.735.894.365</b>	<b>1.864.589.071</b>
- Nguyên giá	231		3.677.361.898	3.677.361.898
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(1.941.467.533)	(1.812.772.827)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>133.467.760.990</b>	<b>115.189.997.847</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	133.467.760.990	115.189.997.847

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là bộ phận hợp thành của BCTC)



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>383.155.359.800</b>	<b>408.571.975.036</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	534.690.559.600	560.107.174.836
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	27.314.228.578	27.314.228.578
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.17	5.592.200.000	5.592.200.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.18	(184.441.628.378)	(184.441.628.378)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.615.179.785</b>	<b>8.541.848.388</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19b	7.615.179.785	8.541.848.388
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.816.630.607.180</b>	<b>1.902.621.572.529</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.065.728.055.595</b>	<b>1.127.460.529.020</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>918.459.558.439</b>	<b>991.229.929.147</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.20	84.749.456.893	100.747.245.729
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.21	56.811.638.557	56.099.094.251
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.22	7.304.579.372	28.333.919.218
4. Phải trả người lao động	314		3.176.134.827	2.460.054.331
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.23	13.218.617.807	10.624.442.696
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.24a	115.322.058.036	75.838.303.272
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.25	567.062.842.895	635.926.518.552
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		70.814.230.052	81.200.351.098
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>147.268.497.156</b>	<b>136.230.599.873</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		162.766.837	170.266.837
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.24b	19.863.289.224	16.677.877.032
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.25	127.242.441.095	119.382.456.004
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>750.902.551.585</b>	<b>775.161.043.509</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>750.485.491.589</b>	<b>774.565.654.315</b>
1. Vốn góp chủ sở hữu	411	V.26	873.883.721.499	898.832.403.979
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		873.883.721.499	898.832.403.979
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.528.583.000	2.528.583.000
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		87.003.701.773	87.003.701.773
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		215.019.308.686	217.579.714.831
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(459.986.447.984)	(463.415.373.883)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(461.780.733.510)	(180.166.114.670)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.794.285.526	(283.249.259.213)
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		32.036.624.615	32.036.624.615
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>417.059.996</b>	<b>595.389.194</b>
1. Nguồn kinh phí Dự án	431		209.900.929	209.900.929
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		207.159.067	385.488.265
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.816.630.607.180</b>	<b>1.902.621.572.529</b>

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Phó Trưởng ban phụ trách TCKT

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Tuấn

Nguyễn Hoàng Vinh

Nguyễn Văn Minh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 52 là bộ phận hợp thành của BCTC)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	959.516.579.898	2.048.213.037.946
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	62.040.000	60.925.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.03	959.454.539.898	2.048.152.112.946
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	917.308.456.362	2.314.007.449.371
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		42.146.083.536	(265.855.336.425)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	49.144.164.688	118.847.951.871
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	37.599.268.583	53.161.814.590
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.339.579.033	36.743.035.431
8. Chi phí bán hàng	24	VI.07	22.664.937.293	14.931.431.411
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08	32.113.705.320	69.786.218.403
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.087.662.972)	(284.886.848.958)
11. Thu nhập khác	31	VI.09	8.108.835.114	6.252.288.574
12. Chi phí khác	32	VI.10	5.226.886.616	4.614.698.829
13. Lợi nhuận khác	40		2.881.948.498	1.637.589.745
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.794.285.526	(283.249.259.213)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.794.285.526	(283.249.259.213)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu

Phó Trưởng ban phụ trách TCKT

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Tuấn

Nguyễn Hoàng Vinh

Nguyễn Văn Minh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.794.285.526	(283.249.259.213)
2. Điều chỉnh do các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	29.970.061.468	29.285.806.501
- Các khoản dự phòng	03	-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản			
- mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.113.159.968	1.489.762.018
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(49.144.164.688)	(7.314.051.981)
- Chi phí lãi vay	06	34.339.579.033	27.686.718.757
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	19.072.921.307	(232.101.023.918)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	125.781.580.976	50.475.732.499
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(80.935.186.849)	(59.617.928.559)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả,			
- thuế TNDN phải nộp)	11	8.637.818.644	15.051.793.691
- Tăng, giảm chi phí trả trước	13	926.668.603	1.207.095.933
- Tiền lãi vay đã trả	15	(28.891.988.675)	(34.846.173.300)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17	12.236.574.579	36.894.948.193
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	18	(61.025.201.725)	(41.048.141.599)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	(4.196.813.140)	(263.983.697.060)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(15.323.097.760)	(26.509.232.227)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.655.709.679	820.412.073
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	5.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	39.201.346.443	48.436.632.942
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	35.533.958.362	27.747.812.788
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	630.327.008.365	1.845.727.518.819
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(691.330.698.931)	(1.651.040.634.536)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(61.003.690.566)	194.686.884.283
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(29.666.545.344)	41.548.999.989
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	53.865.634.513	95.371.035.776
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	43.598.726
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	24.199.089.169	53.865.634.513

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Phó Trưởng ban phụ trách TCKT



Nguyễn Thanh Tuấn



Nguyễn Hoàng Vinh



Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Minh